

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/HNGĐ-ST

Ngày 06 tháng 8 năm 2018

V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thiện Lợi
2. Ông Hoàng Văn Đức

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Thành

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa:

Ông Bùi Quang Dương - Kiểm sát viên

Trong ngày 06 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2018/QĐST-HNGĐ ngày 31/7/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đào Đức Q, sinh năm 1965

Nơi cư trú: Số nhà 32/46, đường T, Tổ 31, phường B, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Có mặt

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kim X, sinh năm 1969

Nơi cư trú: Số nhà 32/46, đường T, Tổ 31, phường B, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu, chứng cứ đã xuất trình và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn anh Đào Đức Q trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:*

1. Về hôn nhân: Anh Q và chị X tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 21/9/2007 tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Th, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách của hai người thay đổi và không còn hòa hợp với nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã, không còn tôn trọng nhau và không quan tâm chăm sóc cho nhau. Vợ chồng anh đã sống ly thân với nhau từ tháng 5/2015 cho đến nay. Anh Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim X.

2. Về con chung: Anh Q và chị X có hai con chung là cháu Đào Trâm A, sinh ngày 09/10/2007 và cháu Đào Xuân M, sinh ngày 26/01/2011. Anh Q đề nghị Tòa án giải Quyết cho anh được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đào Trâm A, chị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đào Xuân M, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Bản thân anh Q có công việc, thu nhập ổn định, anh Q có thu nhập bình quân là 7.000.000 đồng/ 1 tháng, có chỗ ở ổn định nên có đủ khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

3. Về tài sản: Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ đã xuất trình tại Tòa án và lời khai tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Kim X trình bày quan điểm về yêu cầu khởi kiện của anh Q như sau:*

1. Về hôn nhân: Về thời gian, thủ tục, điều kiện đăng ký kết hôn, chị X trình bày phù hợp với lời khai của anh Q. Nhưng chị X cho rằng anh Q sống thiếu trách nhiệm với gia đình, vợ con và là nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra cãi vã, xô sát. Chị và anh Q đã sống ly thân nhiều năm nên tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Vì vậy, chị X đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của anh Q.

2. Về con chung: Chị X xác định, chị và anh Q có hai con chung như anh Q trình bày là đúng. Nhưng chị X không đồng ý với yêu cầu về việc nuôi con của anh Q và đề nghị chị X là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu anh Q phải có trách nhiệm cấp dưỡng cho con số tiền 1.500.000 đồng/ 1 tháng/ 1 cháu. Lý do chị X đưa ra yêu cầu nuôi hai con là cả hai con chung đều là con gái, từ khi sinh ra cho đến nay đều do chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị X hiện đang làm kế toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn kinh doanh thương mại tổng hợp Phương Linh nên có thu nhập ổn định bình quân là 10.000.000 đồng/ 1 tháng, ngoài ra còn có thu nhập phụ khác. Anh Q là người lao động có thu nhập ổn định, khoảng 9.000.000 đồng/ 1 tháng cho nên chị yêu cầu mức cấp dưỡng như trên là hợp lý. Tuy nhiên, tại phiên tòa, chị X rút yêu cầu về cấp dưỡng cho con đối với anh Q.

3. Về tài sản: Chị X không yêu cầu Tòa án giải Quyết.

* Theo biên bản xác minh tại chính quyền địa phương ngày 17/7/2018, thể hiện: Anh Đào Đức Q và chị Nguyễn Thị Kim X đã chung sống hòa thuận với nhau nhiều năm tại tổ 31, phường Bồ Xuyên, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Tuy nhiên, khoảng thời gian 3 năm trở lại đây vợ chồng anh chị hay xảy ra cãi vã, to tiếng với nhau. Nguyên nhân cụ thể dẫn đến mâu thuẫn tổ dân phố không nắm được, tổ dân phố được mời đến hòa giải cho vợ chồng nhiều lần nhưng không hòa giải được. Anh Q có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 31, phường Bồ Xuyên, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, hiện tại anh Q có chỗ ở ổn định, đang sống trên đất của bố mẹ đẻ anh Q để lại.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa về giải Quyết vụ án dân sự:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng Q định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn tuân thủ đúng theo Q định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, xử cho anh Đào Đức Q được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim X. Áp dụng Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị giao cháu Đào Trâm A cho anh Đào Đức Q chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Đào Xuân M cho chị

Nguyễn Thị Kim X chăm sóc, nuôi dưỡng. Về tài sản: anh Q, chị X không yêu cầu nên không đặt ra giải Quyết. Anh Q phải chịu án phí theo Q định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Vụ án được đưa ra xét xử theo đúng trình tự thủ tục pháp luật Q định.

[2] Về hôn nhân: Anh Q và chị X kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, từ năm 2015 cho đến nay, cuộc sống hôn nhân của anh chị không còn hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài, anh chị sống ly thân nhiều năm, mục đích hôn nhân không đạt được. Cả hai anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị X đồng ly hôn với anh Q. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của anh Q là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Q và chị X có hai con chung là cháu Đào Trâm A, sinh ngày 09/10/2007 và cháu Đào Xuân M, sinh ngày 26/01/2011. Hội đồng xét xử nhận thấy, hai con chung của anh Q và chị X đều trên 07 tuổi, đã biết tự thể hiện ý chí, nguyện vọng của mình về việc chung sống với ai khi bố mẹ ly hôn, cụ thể: cháu Đào Trâm A đã có bản tự khai có nguyện vọng được ở với bố là Đào Đức Q và cháu Đào Xuân M có nguyện vọng được ở với mẹ là Nguyễn Thị Kim X. Theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, trường hợp vợ chồng không thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, Qền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con, nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Do vậy, yêu cầu của anh Q được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đào Trâm Anh và chị X được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đào X Mai là phù hợp với nguyện vọng của các cháu nên cần được chấp nhận. Do vậy yêu cầu của chị X là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung không được chấp nhận. Tại phiên tòa, chị X rút yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng cho con, việc chị X rút yêu cầu cấp dưỡng là hoàn toàn tự nguyện, nên không đặt ra giải quyết đối với yêu cầu cấp dưỡng của chị X. Do anh Q và

chị X mỗi người nuôi một con và xét thấy thu nhập của anh Q và chị X cũng tương đối ngang bằng nhau nên không buộc các bên phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau là phù hợp.

[4] Về tài sản: Anh Q và chị X đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Căn cứ nhận xét trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 131, 179, 319, 243, 245 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56; 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

I. Về hôn nhân: Xử cho anh Đào Đức Q được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim X.

II. Về con chung: Xử giao cháu Đào Trâm A, sinh ngày 09/10/2007 cho anh Đào Đức Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Đào Xuân M, sinh ngày 26/01/2011 cho chị Nguyễn Thị Kim X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Q và chị X không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Anh Q và chị X có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh Q và chị X có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

III. Về tài sản: Anh Đào Đức Q và chị Nguyễn Thị Kim X không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

IV. Về án phí: Anh Đào Đức Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh Q đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006984 ngày 18 tháng 4 năm 2018 sang thi hành án phí.

V. Về quyền kháng cáo: Anh Đào Đức Q, chị Nguyễn Thị Kim X có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (06/8/2018).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự ; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Thái Bình;
- Chi cục THADS TP. Thái Bình;
- UBND phường B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Hà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

